

DANH SÁCH HỌC SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP ĐỢT 4 - NĂM 2025

STT	Mã số học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Mã lớp	Ngành học	Khóa học	Tổng số tín chỉ	Điểm TBC tích lũy toàn khóa	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
										Thang điểm 4		
1	54222310089	Trần Quốc An	04/09/2008	Nam	TP. Hồ Chí Minh	02PM16C1	CNTT (Ứng dụng phần mềm)	2023-2025	53	3.26	Giỏi	
2	54222310098	Nguyễn Đức Quang Anh	18/03/2008	Nam	Ninh Bình	02PM16C1	CNTT (Ứng dụng phần mềm)	2023-2025	53	2.96	Khá	
3	54222310183	Đinh Hiền Đạt	21/08/2007	Nam	TP. Hồ Chí Minh	02PM16C2	CNTT (Ứng dụng phần mềm)	2023-2025	53	2.30	Trung bình	
4	54222310093	Nguyễn Hương Thanh Hải	23/03/2008	Nam	TP. Hồ Chí Minh	02PM16C1	CNTT (Ứng dụng phần mềm)	2023-2026	53	2.68	Khá	
5	54222310104	Lưu Trần Gia Huy	08/12/2008	Nam	TP. Hồ Chí Minh	02PM16C1	CNTT (Ứng dụng phần mềm)	2023-2025	53	3.12	Giỏi	
6	54222310094	Nguyễn Huy Hoàng	28/02/2008	Nam	TP. Hồ Chí Minh	02PM16C1	CNTT (Ứng dụng phần mềm)	2023-2025	53	2.90	Khá	
7	54212310002	Nguyễn Văn Duy Khang	02/09/2002	Nam	Tiền Giang	01PM16C1	CNTT (Ứng dụng phần mềm)	2023-2025	53	2.94	Khá	
8	54222310117	Lê Nguyễn Thanh Khiết	07/01/2008	Nam	TP. Hồ Chí Minh	02PM16C1	CNTT (Ứng dụng phần mềm)	2023-2025	53	3.04	Giỏi	
9	54212310058	Nguyễn Thị Tuyết Ngân	18/10/2008	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	01PM16C1	CNTT (Ứng dụng phần mềm)	2023-2025	53	3.06	Giỏi	
10	54212310051	Phan Trọng Như	09/02/2008	Nam	Vĩnh Long	01PM16C1	CNTT (Ứng dụng phần mềm)	2023-2025	53	2.66	Khá	
11	1223360160	Huỳnh Văn Phúc	14/02/2007	Nam	TP. Hồ Chí Minh	01PM15C1	CNTT (Ứng dụng phần mềm)	2022-2024	52	2.33	Trung bình	
12	2223360205	Phạm Nguyễn Thiên Phúc	16/12/2006	Nam	TP. Hồ Chí Minh	02PM15C1	CNTT (Ứng dụng phần mềm)	2022-2024	52	2.78	Khá	
13	2223360436	Nguyễn Tấn Thiên Phúc	03/01/2007	Nam	TP. Hồ Chí Minh	02PM15C2	CNTT (Ứng dụng phần mềm)	2022-2024	52	3.41	Giỏi	
14	2223360194	Nguyễn Hoàng Thức	08/03/2007	Nam	TP. Hồ Chí Minh	02PM15C1	CNTT (Ứng dụng phần mềm)	2022-2025	52	2.35	Trung bình	
15	54212310017	Nguyễn Trọng Tin	18/07/2008	Nam	TP. Hồ Chí Minh	01PM16C1	CNTT (Ứng dụng phần mềm)	2023-2025	53	3.14	Giỏi	
16	54212310052	Đặng Nguyễn Công Trang	16/10/2008	Nam	Lâm Đồng	01PM16C1	CNTT (Ứng dụng phần mềm)	2023-2025	53	2.42	Trung bình	
17	54212310033	Nguyễn Minh Triết	30/12/2008	Nam	Kiên Giang	01PM16C1	CNTT (Ứng dụng phần mềm)	2023-2025	53	2.20	Trung bình	
18	54212310063	Nguyễn Hoàng Tuấn	28/08/2006	Nam	TP. Hồ Chí Minh	01PM16C1	CNTT (Ứng dụng phần mềm)	2023-2025	53	2.58	Khá	
19	54222310123	Tạ Thanh Tùng	30/11/2008	Nam	TP. Hồ Chí Minh	02PM16C2	CNTT (Ứng dụng phần mềm)	2023-2025	53	2.80	Khá	
20	2203360278	Vũ Thị Bình Dương	03/04/2002	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	02DD13C2	Điều Dưỡng	2020-2023	63	2.09	Trung bình	
21	54222320084	Phan Thị Bích Hằng	15/08/2000	Nữ	Bình Định	02DD16A1	Điều Dưỡng	2023-2025	70	3.55	Xuất sắc	
22	2213360257	Trần Quốc Hào	25/03/2006	Nam	TP. Hồ Chí Minh	02DD14C1	Điều Dưỡng	2021-2023	63	2.08	Trung bình	
23	2213240156	Huỳnh Hồng Linh	29/09/1998	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	02DD14B1	Điều Dưỡng	2021-2023	63	2.61	Khá	
24	54222320083	Dương Thị Loan	02/02/2000	Nữ	Bắc Giang	02DD16A1	Điều Dưỡng	2023-2025	70	3.12	Giỏi	
25	2203360127	Trần Ngọc Hà Nhi	07/06/2005	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	02DD13C1	Điều Dưỡng	2020-2023	63	2.99	Khá	
26	1213360063	Huỳnh Minh Nhựt	23/03/2005	Nam	TP. Hồ Chí Minh	01DD14C1	Điều Dưỡng	2021-2023	63	2.00	Trung bình	
27	54222320116	Đặng Vương Huỳnh Phan	03/11/1997	Nam	Kiên Giang	02DD16B1	Điều Dưỡng	2023-2025	70	2.78	Khá	
28	217030072	Lê Minh Triết	04/10/2000	Nam	TP. Hồ Chí Minh	02DD14C1	Điều Dưỡng	2021-2024	63	2.14	Trung bình	

STT	Mã số học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Mã lớp	Ngành học	Khóa học	Tổng số tín chỉ	Điểm TBC tích lũy toàn khóa	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
										Thang điểm 4		
29	2223240251	Nguyễn Thị Hoàng Anh	21/04/2002	Nữ	Lâm Đồng	02DS15B2	Dược	2022-2024	73	2.47	Trung bình	
30	54212320039	Triệu Ngọc Anh	21/11/2005	Nữ	Cần Thơ	01DS16B1	Dược	2023-2025	71	2.91	Khá	
31	54212320050	Trần Thị Mỹ Dung	22/12/1983	Nữ	Tây Ninh	01DS16B1	Dược	2023-2025	71	3.06	Giỏi	
32	54222330033	Lê Thị Mỹ Dung	27/12/1998	Nữ	Kiên Giang	02DS16B1	Dược	2023-2025	71	3.31	Giỏi	
33	54212320017	Lư Thị Hiền	17/10/1974	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	01DS16B1	Dược	2023-2025	71	2.87	Khá	
34	2213360112	Lương Huỳnh Gia Huy	01/06/2006	Nam	TP. Hồ Chí Minh	02DS14C1	Dược	2021-2023	71	2.29	Trung bình	
35	54212320051	Lê Thị Nga	28/03/1992	Nữ	Thanh Hóa	01DS16B1	Dược	2023-2025	71	2.54	Khá	
36	2223360121	Nguyễn Thanh Ngân	30/10/2007	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	02DS15C1	Dược	2022-2024	73	2.10	Trung bình	
37	54222330002	Nguyễn Trí Tâm	20/06/2005	Nam	TP. Hồ Chí Minh	02DS16A1	Dược	2023-2025	71	2.54	Khá	
38	2213360259	Trần Thị Quỳnh Trang	01/08/2006	Nữ	Thanh Hóa	02DS14C1	Dược	2021-2023	71	2.20	Trung bình	
39	2223360603	Bùi Thị Huyền Trang	04/04/2005	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	02DS15B2	Dược	2022-2024	73	2.30	Trung bình	
40	2203360366	Võ Ngọc Hải	11/12/2003	Nam	Đồng Nai	02DL13C1	Hướng dẫn du lịch	2020-2023	56	3.00	Khá	
41	2223360313	Nguyễn Nhật Tùng Dương	27/07/2006	Nam	TP. Hồ Chí Minh	02DL15C1	Hướng dẫn du lịch	2022-2025	56	2.36	Trung bình	
42	2223360337	Nguyễn Viết Thành Công	20/10/2007	Nam	TP. Hồ Chí Minh	02KT15C1	Kế Toán Doanh Nghiệp	2022-2024	50	2.43	Trung bình	
43	54232320015	Sân Hồng Đức	16/03/2000	Nam	Đồng Nai	02KT16E1	Kế Toán Doanh Nghiệp	2023-2025	50	2.77	Khá	
44	54212320026	Nguyễn En Lin	20/05/2003	Nữ	Thái Nguyên	02KT16E1	Kế Toán Doanh Nghiệp	2023-2025	50	2.85	Khá	
45	2213360194	Nguyễn Quang Lễ	22/09/2006	Nam	TP. Hồ Chí Minh	02KT14C1	Kế Toán Doanh Nghiệp	2021-2023	50	3.04	Khá	
46	2223360069	Phạm Thảo Nhi	09/07/1996	Nữ	Cần Thơ	02KT15D1	Kế Toán Doanh Nghiệp	2022-2025	50	3.79	Xuất sắc	
47	2223360153	Nguyễn Thị Yến Như	20/07/2007	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	02KT15C1	Kế Toán Doanh Nghiệp	2022-2024	50	2.28	Trung bình	
48	2213240096	Phạm Thúy Vi	14/11/1993	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	02KT14E1	Kế Toán Doanh Nghiệp	2021-2023	50	3.53	Giỏi	
49	2203360189	Trần Hoàng Yến Vy	10/03/2005	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	02KT13C1	Kế Toán Doanh Nghiệp	2020-2023	50	3.15	Khá	
50	2213360013	Lê Phùng Nhật Huy	14/09/2005	Nam	TP. Hồ Chí Minh	02MK14C1	Marketing	2021-2023	51	2.64	Khá	
51	2193360178	Nguyễn Hải Lam	17/06/2004	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	02MK13C1	Marketing	2020-2023	51	2.60	Khá	
52	54222310097	Nguyễn Hoàng Bảo Ngọc	13/03/2008	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	02MK16C1	Marketing	2023-2026	51	2.23	Trung bình	
53	2223360592	Bùi Hải Phúc	10/09/2007	Nam	TP. Hồ Chí Minh	02MK15C1	Marketing	2022-2025	51	2.58	Khá	
54	1213360140	Huỳnh Phạm Anh Thư	01/11/2006	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	01MK14C1	Marketing	2021-2023	51	2.55	Khá	
55	54222310071	Võ Quốc Thắng	27/02/2007	Nam	TP. Hồ Chí Minh	02MK16C1	Marketing	2023-2025	51	2.56	Khá	
56	2223360574	Trương Công Tráng	08/05/1995	Nam	Nghệ An	02DN15D1	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	2022-2025	51	2.77	Khá	
57	54222310050	Hồ Như Ý	01/01/2000	Nữ	Cà Mau	02DN16E1	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	2023-2026	51	3.04	Giỏi	
58	1213360120	Võ Vinh Phúc	17/04/2006	Nam	TP. Hồ Chí Minh	01TM14C1	Quản Trị Mạng Máy Tính	2021-2023	52	2.82	Khá	
59	1223360045	Trần Nguyễn Quốc Thuận	14/09/2007	Nam	TP. Hồ Chí Minh	01TM15C1	Quản Trị Mạng Máy Tính	2022-2024	52	2.02	Trung bình	
60	2213360279	Vũ Ngọc Hiền	11/11/2005	Nam	TP. Hồ Chí Minh	02DH14C1	Thiết kế đồ họa	2021-2023	52	2.90	Khá	

STT	Mã số học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Mã lớp	Ngành học	Khóa học	Tổng số tín chỉ	Điểm TBC tích lũy toàn khóa	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
											Thang điểm 4		
61	2223360475	Nguyễn Phùng Mỹ	Phương	05/09/2007	Nữ	Vĩnh Long	02DH15C3	Thiết kế đồ họa	2022-2024	52	2.71	Khá	
62	54222320110	Nguyễn Trinh Quang	Thắng	09/11/2005	Nam	TP. Hồ Chí Minh	02DH16A2	Thiết kế đồ họa	2023-2025	53	2.00	Trung bình	
63	1223360053	Phạm Huỳnh Phương	Thùy	12/02/2007	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	01DH15C1	Thiết kế đồ họa	2022-2024	52	2.65	Khá	
64	2213360345	Nguyễn Thị Ngọc	Tiền	22/12/2006	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	02DH14C1	Thiết kế đồ họa	2021-2024	52	2.90	Khá	
65	2203360334	Nguyễn Dương Ngọc Thiên	Quý	09/11/2001	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	02TW13D1	Thiết kế và quản lý website	2020-2023	54	3.15	Khá	
66	2213360171	Lê Gia	Long	16/05/2006	Nam	TP. Hồ Chí Minh	02TW14C1	Thiết kế và quản lý website	2021-2023	54	2.41	Trung bình	
67	2213360229	Phạm Nguyễn Thiện	Nhân	22/12/2006	Nam	TP. Hồ Chí Minh	02TW14C1	Thiết kế và quản lý website	2021-2023	54	2.62	Khá	
68	54222320026	Trần Thị Thanh	Hoà	06/12/2004	Nữ	Phú Thọ	02YS16B1	Y sỹ đa khoa	2023-2025	71	2.91	Khá	
69	2203240019	Nguyễn Văn	Hòa	27/04/1998	Nam	TP. Hồ Chí Minh	02YS14B1	Y sỹ đa khoa	2021-2023	60	2.47	Trung bình	
70	54222320118	Châu Bùi Tấn	Huy	04/03/2005	Nam	Vĩnh Long	02YS16A1	Y sỹ đa khoa	2023-2025	71	3.16	Giỏi	
71	54222320158	Hoàng Phong	Kiệt	31/03/2005	Nam	Đắk Lắk	02YS16A1	Y sỹ đa khoa	2023-2025	71	2.65	Khá	
72	2213360280	Lê Mỹ	Kỳ	29/04/2006	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	02YS14C1	Y sỹ đa khoa	2021-2023	60	2.30	Trung bình	
73	2223360570	Nguyễn Hoàng	Lâm	15/11/1996	Nam	TP. Hồ Chí Minh	02YS15D1	Y sỹ đa khoa	2022-2025	70	2.00	Trung bình	
74	54222320108	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	02/12/2005	Nữ	Bình Định	02YS16A1	Y sỹ đa khoa	2023-2025	71	2.38	Trung bình	
75	54222320131	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	29/04/2004	Nữ	Bình Định	02YS16A1	Y sỹ đa khoa	2023-2025	71	2.82	Khá	
76	1223360197	Nguyễn Đình Thiện	Nhân	12/06/2007	Nam	Tây Ninh	01YS15C1	Y sỹ đa khoa	2022-2024	70	2.12	Trung bình	
77	2213360149	Đặng Thiên	Phú	08/06/2006	Nam	TP. Hồ Chí Minh	02YS14C1	Y sỹ đa khoa	2021-2023	60	2.68	Khá	
78	54222320030	Hoàng Xuân	Phước	22/10/2001	Nam	Thừa Thiên Huế	02YS16A1	Y sỹ đa khoa	2023-2025	71	2.43	Trung bình	
79	54222320022	Nguyễn Vũ Hữu	Tài	27/09/2000	Nam	Lâm Đồng	02YS16A1	Y sỹ đa khoa	2023-2025	71	3.04	Giỏi	
80	54222320029	Trần Thanh	Tâm	10/10/1997	Nam	Thừa Thiên Huế	02YS16A1	Y sỹ đa khoa	2023-2025	71	2.88	Khá	
81	54222320146	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	15/05/2005	Nữ	Đắk Lắk	02YS16A1	Y sỹ đa khoa	2023-2025	71	2.72	Khá	
82	54222320123	Đặng Anh	Tùng	12/04/2005	Nam	Bình Định	02YS16B1	Y sỹ đa khoa	2023-2025	71	2.46	Trung bình	
83	54222320050	Nguyễn Viết	Văn	25/03/2001	Nam	Quảng Bình	02YS16B1	Y sỹ đa khoa	2023-2025	71	2.40	Trung bình	

Tổng: 83 học sinh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2025

PHÒNG ĐÀO TẠO